TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST- DS	Duy Tiên, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1958; cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn**:

+ Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1966;
+ Bà Đoàn Thị Hằng N, sinh năm 1963;
+ Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1990;
+ Anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1994;

Cùng nơi cư trú: Thôn Điệp Sơn, xã Yên Nam, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng số tiền nợ gốc và lãi phía Bị đơn (ông Nguyễn Trọng T, bà Đoàn Thị Hằng N, anh Nguyễn Trong T3, anh Nguyễn Trọng T2) phải liên đới trả cho Nguyên đơn (ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Đ) tính đến ngày 22/7/2024 là 129.396.000 đồng (trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng; lãi: 29.396.000 đồng).

2.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc thi hành án cụ thể như sau: Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 22/7/2024) mà Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi

suất đã thỏa thuận (là 1%/tháng) tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 29/3/2021 âm lịch tức ngày 10/5/2021 dương lịch (có chữ ký của các nguyên đơn và các bị đơn) của số nợ gốc (100.000.000 đồng) chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Đ và phía bị đơn (gồm: Ông Nguyễn Trọng T, bà Đoàn Thị Hằng N, anh Nguyễn Trọng T1, anh Nguyễn Trọng T2) mỗi bên đương sự phải chịu 3.234.900 đồng. Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị Đ và bị đơn bà Đoàn Thị Hằng N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Trọng T, anh Nguyễn Trọng T1, anh Nguyễn Trọng T2 mỗi người phải chịu 808.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TƯƠI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-KDTM	Duy Tiên, ngày 05 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2017/TLST - KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S1;

Địa chỉ: Số B - B, N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh C1 - Giám đốc chi nhánh H10 (ông C1 ủy quyền lại cho bà Lưu Thị H - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh H10 tham gia tố tụng).

*** Bị đơn:** - Ông Lưu Mạnh D1, sinh năm 1982;

- Bà Đào Thị Lan A, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT : Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Số E, tầng E, Nhà G, ngõ D, N, Thanh Xuân N1, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lưu Quang H1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam

- Bà Đào Thị Đ1, sinh năm 1956;

- Chị Lưu Thị N2, sinh năm 1978;

Địa chỉ: P, T18, khu đô thị T, M, quận H, thành phố Hà Nội.

- Anh Lưu Mạnh T4, sinh năm 1984;

Địa chỉ: P, CT2A, chung cư V, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

(Bà Đ1; chị N2; anh T4 cùng ủy quyền cho anh H1 tham gia tố tụng)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Các bên thống nhất thỏa thuận:

Nguyên đơn là Ngân hàng S1; Bị đơn là ông Lưu Mạnh D1 và bà Đào Thị Lan A; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lưu Quang H1 (là người đại diện theo ủy quyền) cùng thống nhất thỏa thuận phương án Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn như sau:

Tổng số tiền gốc và lãi Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 448.738.505đ (B trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba tám ngàn năm trăm linh năm đồng); trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD 1613900045 ngày 18/5/2016 là 399.920.000đ (Ba trăm chín chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Nợ gốc và lãi thẻ tín dụng

mang tên Đào Thị Lan A là 28.818.505 đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng).

- Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Lộ trình thanh toán cụ thể như sau:

+ Trước ngày 10/3/2019, Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 128.818.505 đ (Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng); trong đó 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng và 28.818.505đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng) dư nợ gốc và lãi suất của thẻ tín dụng.

+ Trước ngày 10/4/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng.

+ Trước ngày 10/5/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng.

+ Trước ngày 10/6/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 99.920.000đ (Chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) dư nợ gốc khoản vay và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi của Hợp đồng tín dụng.

(Trong trường hợp Bị đơn không thanh toán cho Nguyên đơn theo đúng kỳ hạn của lộ trình trước ngày 10 hàng tháng thì Bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn đối với khoản tiền chưa thanh toán của kỳ hạn đó nhưng chậm nhất đến ngày 15 hàng tháng).

* Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng mang tên Đào Thị Lan A buộc Bị đơn là anh D1 và chị Lan A phải thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi là: 28.818.505 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng).

* Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD 1613900045 ngày 18/5/2016, trong trường hợp Bị đơn vi phạm một trong các kỳ hạn trả nợ trên thì buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 399.920.000đ (Ba trăm chín chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 21/02/2019 là 94.793.498đ (Chín mươi tư triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm chín tám đồng). Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất 1.134m2 tại thửa đất số 297, PL14 ở thôn Y, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số LD 1613900045/HĐTC 1 ngày 18/5/2016 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng.

* Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thi hành án cụ thể như sau: Kể từ ngày bên được thi hành án có Đơn yêu cầu thi hành án mà Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

* Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo đó Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 10.975.000đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000187 ngày 14/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nguyên đơn phải nộp tiếp án phí là kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-KDTM	Duy Tiên, ngày 13 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2014/TLST - KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2014.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Công ty cổ phần P1;

Trụ sở chính: Số A, đường H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Phòng 1207, nhà A, phố N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến Đ2 - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H2.

*** Bị đơn:** Công ty cổ phần T15.

Địa chỉ: Cụm C, xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T5 - Giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hai bên thống nhất thỏa thuận:

* Công ty cổ phần P1 và Công ty cổ phần T15 thống nhất số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11 - 11/HĐMB/VX - TV ngày 11/10/2010 và 21 - 11/HĐMB/VX - TV ngày 26/11/2010 mà Công ty cổ phần T15 phải trả cho Công ty cổ phần P1 số tiền là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

* Về phương thức thanh toán: Công ty cổ phần T15 thanh toán trả nợ cho Công ty cổ phần P1 từng kỳ cụ thể như sau:

- Đợt 1: Trong hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày 15/7/2018 thì Công ty cổ phần T15 phải trả nợ Công ty cổ phần P1 số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- Đợt 2: Trong hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày 15/8/2018 thì Công ty cổ phần T15 phải trả nợ Công ty cổ phần P1 số tiền còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

* Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần T15 và Công ty cổ phần P1 mỗi bên phải chịu 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 57/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 06 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Mai A1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Trần Tuấn N3, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai A1 và anh Trần Tuấn N3.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Mai A1 và anh Trần Tuấn N3: Giao cháu Trần Thị Minh C2, sinh ngày 27 - 01 - 2017 cho chị Mai A1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N3 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai A1 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Mai A1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N3 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Mai A1; anh N3 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh N3 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị Mai A1 chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con của anh N3 tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Mai A1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000278 ngày 20/6/2018 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Trác Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 53/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 27 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn**: Anh Trần Văn D2, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị T6, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D2 và chị Trần Thị T6

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Trần Văn D2 và chị Trần Thị T6: Giao cháu Trần Thị Thúy Q, sinh ngày 21 - 10 - 2011 cho anh D2 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Anh T7, sinh ngày 02 - 12 - 2012 cho chị T6 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh D3, chị T6 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh D3; chị T6 và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T6, anh D3 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Duy; chị T6 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh D3 chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh D3 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000282 ngày 14/6/2018 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại anh D3 số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Chuyên Ngoại;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 25 tháng 5 năm 2018.

Số: 42/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Tô Văn T8, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H3 và anh Tô Văn T8.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H3 và anh Tô Văn T8: Giao cháu Tô Nhật M, sinh ngày 07 - 9 - 2015 cho chị H3 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Tô Nguyễn Ngọc A2, sinh ngày 25 - 10 - 2013 cho anh T8 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị H3, anh T8 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H3; anh T8 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T8; chị H3 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H3; anh T8 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị H3 chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H3 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 03/4/2018 theo biên lai số 0000242 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị H3 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2018/QĐST-HNGĐ Duy Tiên, ngày 11 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Trần Thị U, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà A, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà A, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị U và anh Phạm Ngọc S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị U và anh Phạm Ngọc S: Giao cháu Phạm Thị Thanh T9, sinh ngày 12 - 01 - 2013 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thị Thanh H4, sinh ngày 27 - 6 - 2011 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị U, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị U; anh S và và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S; chị U trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị U; anh S mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị U chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị U đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 06/4/2018 theo biên lai số 0000244 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị U 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 38/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 07 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Trần Duy M1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu đô thị M, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Chị Bạch Thị N4, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107,110,116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy M1 và chị Bạch Thị N4.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Trần Duy M1 và chị Bạch Thị N4: Giao cháu Trần Nam K, sinh ngày 14/02/2017 cho chị N4 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh M1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N4 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị N4 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh M1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M1; chị N4 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh M1 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh M1 chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh M1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000254 ngày 17/4/2018 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 90/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 31 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị T10, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T11, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23

tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T10 và anh Nguyễn Văn T11.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị T10 và anh Nguyễn Văn T11: Giao hai cháu Nguyễn Lê Phương A3 và Nguyễn Lê Trang A4, đều sinh ngày 25/8/2016 cho chị T10 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T11 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T10 mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T10 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T11 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T10, anh T11 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T11 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị T10 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T10 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000159 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Tiên Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 19/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 07 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Vũ Thế N5, sinh năm 1981; Địa chỉ: Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Chị Hoàng Thị H5, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anhVũ Thế N5 và chị Hoàng Thị H5.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Vũ Thế N5 và chị Hoàng Thị H5: Giao cháu Vũ Hoàng H6, sinh ngày 05/01/2006 và cháu Vũ Minh Q1, sinh ngày 17/9/2012 cho chị H5 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N5 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H5. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H5 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N5 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh N5, chị H5 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh N5 chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh N5 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 20/11/2017 theo biên lai số 0000192 được đối trừ khi thi hành án. Anh N5 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Hòa Mạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2017/QĐST-HNGĐ	Duy Tiên, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số124/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

* Bị đơn: Anh Bùi Văn T12, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam N7 - Tổng cục V - Bộ C3; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15

tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D4 và anh Bùi Văn T12.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Đặng Thị D4 và anh Bùi Văn T12: Giao 01 con chung là Bùi Thị Ngọc A5, sinh ngày 25/5/2008 cho chị D4 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T12 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D4. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị D4 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T12 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D4, anh T12 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị D4 chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D4 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 15/11/2017 theo biên lai số 0000189 được đối trừ khi thi hành án. Chị D4 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Đọi Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2017/QĐST-HNGĐ	Duy Tiên, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số126 /2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T13, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T13.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T13: Giao 02 con chung là: Nguyễn Thành L1, sinh ngày 28/11/2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T13 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T13 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh T13 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị L chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 17/11/2017 theo biên lai số 0000191 được đối trừ khi thi hành án. Chị L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Bạch Thượng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ	Duy Tiên, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số116/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Quỳnh T14, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khối H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Toàn P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Quỳnh T14 và anh Nguyễn Toàn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị Quỳnh T14 và anh Nguyễn Toàn P đều xác nhận vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T14, anh P mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị T14 chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T14 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 25/10/2017 theo biên lai số 00002175 được đối trừ khi thi hành án. Chị T14 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Châu Giang;

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 09/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 12 tháng 01 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Phạm Tân L3, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Chị Chu Thị Thúy N6, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Tân L3 và chị Chu Thị Thúy N6.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: anh Phạm Tân L3 và chị Chu Thị Thúy N6 đều xác nhận vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L3, chị N6 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh L3 chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh L3 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 20/12/2017 theo biên lai số 0000206 được đối trừ khi thi hành án. Anh L3 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2017/QĐST-HNGĐ	Duy Tiên, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số124/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

* Bị đơn: Anh Bùi Văn T12, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam N7 - Tổng cục V - Bộ C3; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D4 và anh Bùi Văn T12.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Đặng Thị D4 và anh Bùi Văn T12: Giao 01 con chung là Bùi Thị Ngọc A5, sinh ngày 25/5/2008 cho chị D4 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T12 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D4. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị D4 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T12 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D4, anh T12 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị D4 chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D4 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 15/11/2017 theo biên lai số 0000189 được đối trừ khi thi hành án. Chị D4 được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Đọi Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 107/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 15 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H7, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y.

* Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh H8, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, điều 107, điều 110, điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H7 và chị Phạm Thị Minh H8.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thanh H7 và chị Phạm Thị Minh H8: Giao cháu Nguyễn Đức H9, sinh ngày 20/12/2015 cho chị H8 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H9 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh H7 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H8 mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H8 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H7 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H7, chị H8 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H7 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để canh H7 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H7 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000196 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

Số: 107/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 15 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H7, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y.

* Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh H8, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, điều 107, điều 110, điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H7 và chị Phạm Thị Minh H8.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thanh H7 và chị Phạm Thị Minh H8: Giao cháu Nguyễn Đức H9, sinh ngày 20/12/2015 cho chị H8 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H9 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh H7 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H8 mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H8 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H7 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H7, chị H8 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H7 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để canh H7 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H7 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000196 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2017/QĐST-HNGĐ	Duy Tiên, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số126 /2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T13, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T13.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T13: Giao 02 con chung là: Nguyễn Thành L1, sinh ngày 28/11/2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T13 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T13 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh T13 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị L chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 17/11/2017 theo biên lai số 0000191 được đối trừ khi thi hành án. Chị L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Bạch Thượng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI